

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 276/2024/DS-PT

Ngày: 21/5/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu;

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Phan Thị Thanh Xuân- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 417/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 914/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp C, xã T, C, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Hồ Thị N, sinh năm 1976; (có mặt)

Địa chỉ: E, tổ A, khu phố F, phường I, TP., Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Phúc T1, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, C, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Dương Mỹ L- Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh T. (xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Tổ Q, sinh năm 1989;

Địa chỉ: A, Huỳnh Châu S, phường F, TP., Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Thụy Cẩm T2, sinh năm 1997; (có mặt)

Địa chỉ: G, ấp H, xã M, TP ., Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Dương Mỹ L- Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh T. (xin vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

* Nguyên đơn anh T trình bày: Ngày 29/7/2022 anh T có cho anh T1, chị Q vay 500.000.000 đồng. Ngày 14/11/2022 anh T có cho anh T1, chị Q vay tiếp số tiền 800.000.000 đồng (Khi vay thì anh T1 nói là vay tiền để mua đất, chị Q đứng tên đất). Thời hạn vay thỏa thuận miệng 03 tháng, lãi suất 3,1%/tháng. Sau khi vay anh T1, chị Q chỉ trả được 02 tháng tiền lãi (tháng 8 và tháng 9) của khoản vay 500.000.000 đồng và tiền lãi (tháng 12/2022 và tháng 01/2023) của khoản vay 800.000.000 đồng và có trả được 151.000.000 đồng vốn, hiện anh T1, chị Q còn nợ anh T số tiền vốn 1.149.000.000 đồng.

Nay anh T yêu cầu anh T1, chị Q trả cho anh T 1.149.000.000 đồng, yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn tính từ tháng 10/2022 của khoản vay 500.000.000 đồng và thời hạn từ tháng 02/2023 của khoản vay 800.000.000 đồng.

* Bị đơn anh T1 trình bày: Ngày 29/7/2022 anh không nhớ có vay của anh T 500.000.000 đồng hay không, do trước đó anh có vay nhiều khoản vay. Ngày 14/11/2022 anh T1 có vay 800.000.000 đồng của anh T. Thỏa thuận tiền lãi là 3,1%/tháng, anh T1 có trả được 09 tháng tiền lãi từ tháng 09/2022 (việc trả lãi không có biên nhận). Sau đó anh T1 có trả cho anh T 151.000.000 đồng tiền vốn. Nay anh T1 đồng ý trả 1.149.000.000 đồng cho anh T, xin không trả lãi.

Anh T1 vay tiền để cho người khác vay lại để lấy lãi, tiền lãi phục vụ nhu cầu cá nhân, chị Q không có liên quan gì đến số tiền vay này.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Q trình bày: Chị và anh T1 kết hôn vào tháng 12/2021, chị Q hiện làm nội trợ và kinh doanh bất động sản, chị có thu nhập từ tài sản riêng trước đó, việc sài tiền giữa chị Q và anh T1 là sài riêng, anh T1 vay tiền của anh T chị không biết, anh T1 không có nói cho chị biết và chị không có sử dụng số tiền này.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T1 trình bày (tại bài bảo vệ ngày 19/9/2023): Giấy mượn tiền không thể hiện thời hạn trả và lãi suất. Trong quá trình mượn tiền và cho đến khi khởi kiện, nguyên đơn không có chứng cứ gì thể hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền. Mặc khác, việc yêu cầu trả tiền lãi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tiền lãi, đối với tiền vốn bị đơn đồng ý trả nên đề nghị ghi nhận.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Q trình bày (tại bài bảo vệ ngày 19/9/2023): Việc anh T1 vay tiền là việc cá nhân của anh T1, chị Q

không biết việc này, anh T1 không có sử dụng số tiền mượn để phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung gia đình. Mặc khác, chị Q không có ký tên vào biên nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu chị Q có nghĩa vụ liên đới.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 417/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T.

Buộc anh Nguyễn Phúc T1 trả cho anh Nguyễn Thanh T 1.149.000.000 đồng tiền vốn vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu chị Nguyễn Tô Q liên đới với anh Nguyễn Phúc T1 trả số tiền 1.149.000.000 đồng vốn vay.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét buộc chị Q phải liên đới cùng anh T1 trả nợ vay cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Phúc T1 cùng chị Nguyễn Tô Q trả cho anh 1.149.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng.

- Người kháng cáo anh Nguyễn Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc chị Q phải liên đới cùng anh T1 trả cho anh 1.149.000.000 đồng.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ

tục theo Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, nhận thấy tại phiên tòa chị Q cung cấp thêm chứng cứ chứng minh chị có nguồn tài sản riêng hơn 06 tỷ đồng và không có sống chung nhà với anh T1 đồng thời không có làm ăn chung với anh T1 nên cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Anh Nguyễn Thanh T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới nào để xem xét nên không chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 417/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T yêu cầu anh Nguyễn Phúc T1 cùng chị Nguyễn Tố Q trả cho anh 1.149.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T với bị đơn anh Nguyễn Phúc T1 là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thanh T là đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh T Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/01/2023 phía chị Q trình bày những tình tiết mới và yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ cụ thể như sau:

+ Chị và anh T1 chấp nối và đăng ký kết hôn từ ngày 21/12/2021. Sau khi đăng ký kết hôn thì hai người không có sống chung một nhà (anh T1 ở nhà anh tại C, tỉnh Tiền Giang, chị ở nhà chị tại thành phố T, tỉnh Long An). Hiện anh chị đã ly hôn theo quyết định thuận tình ly hôn số 99/2023/QĐST – HNGĐ ngày

25/8/2023 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang. Giữa anh chị không có tài sản chung và làm ăn chung.

+ Tại thời điểm trước khi kết hôn, chị Q có tài sản riêng là hơn 6.000.000.000 đồng trong ngân hàng nên không có nhu cầu vay vốn.

+ Cùng thời điểm giải quyết vụ kiện này, TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang còn thụ lý giải quyết một vụ kiện khác cũng giữa anh T với anh T1 trong đó nội dung thể hiện anh T1 có vay tiền của anh T vào tháng 7 năm 2022 cũng trong thời kỳ hôn nhân với chị Q nhưng anh T chỉ yêu cầu cá nhân anh T1 trả nợ.

- Kết quả thu thập chứng cứ như sau:

+ Theo giấy đăng ký kết hôn số 58/2021 thì anh T1 chị Q đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2021. Anh T1, chị Q ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 99/2023/QĐST – HNGĐ ngày 25/8/2023 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Tại đơn thuận tình ly hôn ngày 03/8/2023 cả anh T1, chị Q đều xác định tài sản chung không có.

+ Tại công văn số 221/BIDV.LA-QLRR ngày 16/4/2024 của Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh L1 xác nhận chị Nguyễn Tô Q có mở 02 sổ tiết kiệm tại ngân hàng với tổng giá trị 6.500.000.000 đồng vào ngày 01/02/2021 và rút lần cuối vào ngày 02/8/2021.

+ Tại biên bản hòa giải thành ngày 28/8/2023 thể hiện “ngày 29/7/2022 anh T1 vay của anh T 500.000.000 đồng. Đến tháng 9/2022 anh T1 vay tiếp 1.000.000.000 đồng (có thể chấp đất của anh T1). Anh T1 có trả được tiền vốn 151.000.000 đồng còn nợ 1.349.000.000 đồng. Anh T1 đồng ý giao cho anh T một phần diện tích đã thế chấp....”

* Từ các chi tiết trên nhận thấy:

- Thời kỳ hôn nhân giữa anh T1, chị Q quá ngắn chưa đầy 02 năm (12/2021 đến tháng 8/2023), không có sống chung một nhà, không có tài sản chung cũng không có hoạt động làm ăn chung.

- Sút thời điểm kết hôn, chị Q có tài sản riêng là 6.500.000.000 đồng nên chị khai không có nhu cầu vay vốn làm ăn là có cơ sở.

- Cùng thời điểm từ ngày 29/7/2022 đến tháng 9/2022 (trong thời kỳ hôn nhân của anh T1, chị Q) anh T lần lượt cho anh T1 vay 02 lần (một lần 1.500.000.000 đồng và một lần 1.300.000.000 đồng nhưng vụ vay 1.500.000.000 đồng anh T chỉ yêu cầu cá nhân anh T1 trả, còn vụ 1.300.000.000 đồng lại yêu cầu chị Q phải liên đới cùng trả trong khi cả hai biên nhận nợ đều không có chị Q ký tên nhận nợ là mâu thuẫn. Ngoài ra tại phiên hòa giải thành của Tòa án huyện C ngày 28/8/2023 (BL 51) và ngày 30/8/2023 (BL 53, 54) thể hiện anh T1 đồng ý trả toàn bộ số nợ trên cho anh T; chị Q không đồng ý liên đới cùng anh T1 trả số nợ trên cho anh T đã được anh T đồng ý và lập biên bản hòa giải thành nhưng sau đó anh T thay đổi không đồng ý.

Từ các tình tiết, chứng cứ mới như trên, nhận thấy cấp sơ thẩm xử không

buộc chị Q liên đới cùng anh T1 trả nợ cho anh T là có căn cứ. Kháng cáo của anh T là không có cơ sở nên bác.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 417/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T.

Buộc anh Nguyễn Phúc T1 trả cho anh Nguyễn Thanh T số tiền 1.149.000.000 đồng tiền nợ vay. Thời hạn trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0011934 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành dân sự án huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh T đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Anh Nguyễn Phúc T1 phải chịu 46.470.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại anh Nguyễn Thanh T 23.235.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011831 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Vân